TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TĨNH GIA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2019/HS-ST
Ngày: 12-9-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TĨNH GIA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Tấn

2. Ông Nguyễn Thế Anh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện VKSND huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Ông Kim Duy Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 09 năm 2019, tại Toà án nhân dân huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 84/2018/TLST-HS ngày 21 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2019/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 08 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Thị A** – Sinh ngày 10 tháng 5 năm 1985; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Buôn bán; Con ông: Nguyễn Thái P - sinh năm 1957 và con bà: Đặng Thị H - sinh năm 1958; Có chồng: Lê Viết T - sinh năm 1984; Có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú", có mặt tại phiên tòa.

2. **Lê Đình M** – Sinh ngày 01 tháng 6 năm 1987; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt nam; Tôn giáo: Không; Văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Lê Đình C - Sinh năm 1959 và con bà: Trần Thị T - Sinh năm 1958; Bị cáo chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú", có mặt tại phiên tòa;

** Những người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Văn T – Sinh năm: 2004

Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

2. Anh Lê Văn L – Sinh năm: 2000

Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

3. Anh Nguyễn Văn T – Sinh năm: 1990

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17h40’ ngày 22/01/2019, tại Thôn H, xã H, huyện Tĩnh Gia, tổ công tác Công an huyện Tĩnh Gia phát hiện, bắt quả tang Nguyễn Thị A đang có hành vi bán số lô, số đề trái phép cho Lê Văn L tại nhà ở của A. Tang vật thu giữ gồm: 2.310.000đ và 01 điện thoại di động Nokia màu đen của A có lắp sim số thuê bao 0372.618.357.

Qua quá trình điều tra, xác định được ngoài lần bán số lô, số đề bị bắt quả tang thì A còn bán số lô, số đề cho nhiều người vào các ngày khác nhau và thống nhất hình thức mua bán số lô, số đề được thua bằng tiền như sau: Đối với số đề 01 điểm = 1.000 đồng, số lô 01 điểm = 23.000 đồng. A và các đối tượng đánh bạc sử dụng kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng ngày hôm đó để tính thắng thua; kết quả số đề là 02 số cuối của giải đặc biệt, nếu thắng sẽ được tính tỉ lệ 1 ăn 70; kết quả số lô là 02 số cuối của tất cả các giải (27 giải) nếu thắng thì được 80.000đ/1 điểm lô. Nếu thua các con bạc sẽ mất số tiền đã đánh bạc.

1. Ngày 18/01/2019, Lê Đình M sử điện thoại gắn sim số thuê bao 0987.522.323 nhắn tin vào số thuê bao 0372.618.375 của A để mua các số lô 45, 54 mỗi số 50 điểm với số tiền là 2.300.000 đồng thì A đồng ý. M không trúng nên số tiền đánh bạc giữa A và M là 2.300.000 đồng.

2. Ngày 19/01/2019, A bán cho M (nhắn tin qua hai số thuê bao trên) các số lô 04, 05 mỗi số 50 điểm với số tiền là 2.300.000 đồng; bán cho Hoàng Văn T, sinh năm 1996, trú tại thôn T, xã H, huyện Tĩnh Gia (qua nhắn tin bằng số thuê bao 0837.753.636 của T đến số thuê bao trên của A) các sô lô 73, 21 mỗi số 10 điểm với số tiền 460.000 đồng. Bán cho những người không quen biết đến ghi trực tiếp các số đề 67, 76 mỗi số 25.000 đồng; 69, 96 mỗi số 30.000 đồng; 00, 01, 02 mỗi số 50.000 đồng; 45, 54, 25, 52, 75, 57 mỗi số 20.000 đồng; các số lô 74, 75, 28, 87, 97, 32, 51 mỗi số 5 điểm; 78 giá 10 điểm với tổng số tiền là 3.715.000đ. Như vậy tổng số tiền bán số lô, đề của A trong ngày 19/01/2019 là 6.475.000 đồng. M trúng 50 điểm số lô 05 = 4.000.000 đồng, T trúng 10 điểm lô 73 với số tiền 800.000 đồng, một khách lạ trúng 5 điểm lô 51 = 400.000 đồng. Tổng số tiền M đánh bạc với A là 2.300.000đ + 4.000.000đ = 6.300.000đ; Tổng số tiền T đánh bạc với A là 460.000đ + 800.000đ =1.260.000đ. Tổng số tiền A đánh bạc với các con bạc là 6.475.000 + 400.000đ + 4.000.000đ + 800.000đ = 11.675.000đ.

3. Ngày 20/01/2019, A bán cho M (nhắn tin qua hai số thuê bao trên) các số lô 88, 89 mỗi số 75 điểm với số tiền là 3.450.000 đồng. M trúng 75 điểm lô 89 với số tiền là 6.000.000 đồng. Tổng số tiền A và M đánh bạc là 3.450.000đ + 6.000.000đ = 9.450.000 đồng.

4. Ngày 21/01/2019, A bán cho M (nhắn tin qua hai số thuê bao trên) các số lô 36, 38 mỗi số 50 điểm với số tiền là 2.300.000 đồng. M trúng 50 điểm lô 38 với số tiền là 4.000.000 đồng. Tổng số tiền A và M đánh bạc là 2.300.000đ + 4.000.000đ = 6.300.000 đồng.

5. Ngày 22/01/2019, A bán cho M (nhắn tin qua hai số thuê bao trên) các số lô 23, 24 mỗi số 50 điểm; bán cho Nguyễn Văn T (qua nhắn tin bằng điện thoại gắn sim thuê bao 0363.840.383 của T đến số thuê bao trên của A như trên) các số đề 01, 02, 03, 10, 98 mỗi số 20.000 đồng, số đề 89 với giá 10.000 đồng. Ngoài ra, A còn bán cho những người không biết ghi trực tiếp các số để 70 giá 30.000 đồng; 69 giá 50.000 đồng; 71, 01 mỗi số 30.000 đồng; 23 giá 10.000 đồng với tổng số tiền là: 207.000đ. Đến khoảng 17h40' cùng ngày, A bán cho L các số 13, 31 mỗi số 10 điểm; 25, 52 mỗi số 30 điểm; 08 là 20 điểm; các số đề 18, 32 mỗi số 5.000 đồng. Tổng số tiền A và L đánh bạc là 2.310.000 đồng; khi L vừa đưa số tiền trên cho A thì bị Công an phát hiện, bắt quả tang. Tổng số tiền M đánh bạc với A là 2.300.000 đồng; T đánh bạc với A là 110.000 đồng. Tổng số tiền A đánh bạc với các đối tượng đánh bạc là 207.000đ + 2.310.000đ + 2.300.000đ + 110.000đ = 4.927.000đ.

6. Ngoài ra, ngày 31/01/2017, A còn bán cho T (qua nhắn tin bằng số thuê bao 0363.840.383 của T đến số thuê bao 0979.728.978 của anh Lê Viết T - là chồng của A) các số đề 30 giá 30.000 đồng; 56, 57 mỗi số 40.000 đồng. T không trúng nên tổng số tiền A và T đáng bạc là 110.000đ.

7. Ngày 04/01/2018, A bán cho T (qua nhắn tin bằng số thuê bao của T đến số thuê bao 0979.728.978) các số đề 01, 02, 03 mỗi số 40.000 đồng; 50, 51, 52, 53 mỗi số 20.000 đồng. T không trúng nên tổng số tiền A và T đánh bạc là 200.000 đồng.

8. Ngày 12/01/2018, A bán cho T (qua nhắn tin bằng số thuê bao của T đến số thuê bao 0979.728.978) các số đề 56, 58 mỗi số 25.000 đồng; 57 với giá 50.000 đồng. T không trúng, vì vậy tổng số tiền A và T đánh bạc là 100.000 đồng.

Sau khi bán số lô, số đề cho các con bạc, A khai nhận chuyển các số lô, số đề cho số thuê bao 0989.219.017 tên B ở thành phố Thanh Hóa để nhận hoa hồng. Các số đề A hưởng 15%, các số lô A được hưởng 500đ/01 điểm lô. Trong đó, ngày 19/01/2019, A bán được tổng số 265 điểm lô và 380.000 đồng tiền đề; số tiền hoa hồng A nhận được là 132.500 đồng tiền bán số lô và 57.000 đồng tiền bán số đề. Ngày 20/01/2019, A bán được 150 điểm lô được 75.000 đồng tiền hoa hồng. Ngày 21/01/2019, A bán được 100 điểm lô, số tiền A được 50.000 đồng tiền hoa hồng. Tổng 03 ngày 19, 20, 21/01/2019, số tiền hoa hồng A được hưởng là 132.000 đồng + 57.000 đồng + 75.000 đồng + 50.000 đồng = 314.500 đồng. A và người tên "B" và các đối tượng đánh bạc đã thanh toán cho nhau xong; số tiền hoa hồng A nhận được từ việc trích trực tiếp từ tiền bán số lô, số đề đã tiêu xài hết.

Tổng số tiền M đánh bạc với A và số tiền M trúng qua các ngày 19, 20 và 21/01/2019 là 22.050.000 đồng. Trong đó, số tiền M sử dụng để đánh bạc là 8.050.000 đồng, số tiền M trúng là 14.000.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 1271/C09-P6 ngày 27/3/2019 của Viện Khoa học hình sự, Bộ Công an kết luận.

"+ Không tìm thấy dữ liệu liên quan đến hành vi đánh bạc bằng hình thức mua bán số lô, số đề trong điện thoại Nokia 1280, lắp sim: 0987.522.232 thu giữ của M.

+ Điện thoại Nokia 105, lắp sim: 0372.618.357 thu giữ của A có 31 tin nhắn đến, 11 tin nhắn đi có liên quan đến hành vi mua bán, số lô, số đề.

+ Điện thoại OPPO A37w, lắp sim: 0363.840.383 thu giữ của Nguyễn Văn T có 06 tin nhắn đến và 12 tin nhắn đi có liên quan đến hành vi mua bán, số lô, số đề".

Ngày 25/02/2019, Công ty TNHH một thành viên xổ số kiến thiết Thanh Hóa cung cấp kết quả xổ số kiết thiết niềm Bắc mở thưởng các ngày 18, 19, 20, 21 và 22/01/2019. Ngày 02/5/2019, cung cấp kết quả xổ số kiết thiết niềm Bắc mở thưởng các ngày 19/7/2017, 31/12/2017, 04/01/2018 và ngày 12/01/2018.

Đối với hành vi đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, số đề của M vào các ngày 18/01/2019 và ngày 22/01/2019 đều dưới 5 triệu đồng. Trước đó, M chưa bị chưa bị kết án hoặc bị xử lý vi phạm hành chính về hành vi này. Vì vây, hành vi của M không cấu thành tội tội phạm nên Công an huyện Tĩnh Gia ra Quyết định xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

Đối với hành vi bán số lô, số đề của A trong ngày 18/01/2019 và ngày 22/01/2019 đều dưới 5 triệu đồng. Trước đó, A chưa bị chưa bị kết án hoặc bị xử lý vi phạm hành chính về hành vi này. Vì vây, hành vi của A không cấu thành tội tội phạm nên Công an huyện Tĩnh Gia ra Quyết định xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

Đối với hành vi mua số lô, số đề của T và L ngày 22/01/2019 đều dưới 5 triệu đồng. Trước đó, L và T đều chưa bị kết án hoặc bị xử lý vi phạm hành chính về hành vi này. Vì vậy, hành vi nêu trên của L và T không cấu thành tội phạm nên Công an huyện Tĩnh Gia ra Quyết định lý vi phạm hành chính theo quy định.

Đối với hành vi mua bán số lô, số đề của A và T các ngày 31/01/2017, 04/01/2018 và 12/01/2018 đều dưới 5 triệu đồng. Trước đó, A và T đều chưa bị kết án hoặc bị xử lý vi phạm hành chính về hành vi này. Vì vậy, hành vi nêu trên của A và T không cấu thành tội phạm. Bên cạnh đó, tính đến đến ngày phát hiện là ngày 27/3/2019 đã hết thời xử lý vi phạm hành chính nên không xử lý.

Đối với Nguyễn Văn T, Cơ quan điều tra đã tiến hành triệu tập nhiều lần nhưng T không có mặt theo giấy triệu tập. Qua xác M T không có mặt tại địa phương, đi đâu làm gì thì địa phương không rõ. Nên Cơ quan điều tra tiếp tục tiến hành xác M và xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với Lê Viết T sử dụng điện thoại có gắn sim thuê bao 0979.728.978. Tuy nhiên, việc A sử dụng điện thoại của anh T có thuê bao trên để bán số lô, số đề thì anh T không biết nên không liên quan đến vụ việc trên. Đối với điện thoại nêu

trên anh T đã đánh mất vào cuối tháng 01/2019, cơ quan CSĐT tiếp tục điều tra khi nào có căn cứ thì xử lý sau.

Đối với người phụ nữ tên "B", Cơ quan điều tra đã xác M lai lịch nhân thân qua số thuê bao 0989.219.017 mà "B" sử dụng thì chủ thuê bao trên là ông Phạm Hồng T, sinh năm 1948, ở thôn Thanh Bình, xã H, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa. Tuy nhiên, ông T không sử dụng số thuê bao trên và không có mối quan hệ gì với "B". Do đó, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra, xác M và xử lý theo quy định của pháp luật.

Xử lý vật chứng:

+ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tĩnh Gia xác định số tiền 5.300.000 đồng tạm giữ của A gồm: 207.000 đồng là số tiền A bán số lô, số đề cho các đối tượng đến mua trực tiếp tại nhà ngày 22/01/2019, còn 5.093.000 đồng là số tiền bán hàng của A không liên quan đến hành vi bán số lô, đề nên ngày 16/5/2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện Tĩnh Gia đã trả lại cho A.

+ Ngày 21/7/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tĩnh Gia đã trả lại cho T chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo A37WW, màu hồng, IMEI 1: 865265036191073, IMEI 2: 865265036191065, kèm theo sim số thuê bao 0364.840.363.

+ Đối với 01 (một) mảnh giấy màu trắng trên bề mặt có ghi các số lô, số đề và chữ ký của A chuyển kèm theo hồ sơ vụ án.

+ Đối với số tiền 2.310.000 đồng và 207.000 đồng; 01 (một) điện thoại Nokia 105, màu đen, có số IMEI 1: 355820099227094, IMEI 2: 355828097227099, kèm theo sim số thuê bao 0372.618.357; 01 (một) chiếc điện thoại Nokia 1280, màu đen, IMEI: 351672055333737, kèm theo sim số thuê bao 0987.522.232. Hiện đang được bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tĩnh Gia theo quy định của pháp luật.

Bản cáo trạng số: 90/CTr-VKS-HS ngày 18/8/2019 của VKSND huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị A và Lê Đình M về tội "Đánh bạc".

Tại phiên tòa Viện kiểm sát đề nghị:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, điểm s, n khoản 1 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 BLHS năm 2015 đối với bị cáo A.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 BLHS năm 2015 đối với bị cáo M.

- Mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo cụ thể như sau:

+ Nguyễn Thị A từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án;

+ Lê Đình M từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án;

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX áp dụng Khoản 1 Điều 47 BLHS năm 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 xử:

+ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tĩnh Gia xác định số tiền 5.093.000 đồng là số tiền bán hàng của A không liên quan đến hành vi bán số lô, đề nên ngày 16/5/2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện Tĩnh Gia đã trả lại cho A; Trả lại cho T chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo A37WW, màu hồng, IMEI 1: 865265036191073, IMEI 2: 865265036191065, kèm theo sim số thuê bao 0364.840.363 nên đề nghị HĐXX không xem xét;

+ Đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 2.517.000đ là tiền đánh bạc bị bắt quả tang vào ngày 22/01/2019;

+ Tịch thu bán sung quỹ Nhà nước của A 01 (một) điện thoại Nokia 105, màu đen, có số IMEI 1: 355820099227094, IMEI 2: 355828097227099, kèm theo sim số thuê bao 0372.618.357 và M 01 (một) chiếc điện thoại Nokia 1280, màu đen, IMEI: 351672055333737, kèm theo sim số thuê bao 0987.522.232.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 314.500 đồng là tổng số tiền hoa hồng A được nhận từ ba ngày (19, 20, 21/01/2019);

+ Truy thu số tiền trúng lô + đề của M là 14.000.000đ (ngày 19/01 trúng 4.000.000đ; ngày 20/01 trúng 6.000.000đ và ngày 21 trúng 4.000.000đ);

+ Đối với số tiền 8.050.000 đồng là tiền A thu từ các đối tượng đến ghi số lô, đề thì A đã chuyển cho người phụ nữ có tên là "B" ở thành phố Thanh Hóa hiện nay cơ quan CSĐT chưa điều tra xác M được người phụ nữa nên đề nghị HĐXX không xem xét.

- Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Trách nhiệm chịu án phí đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Cơ quan Công an huyện Tĩnh Gia, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tĩnh Gia, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Kết thúc phần xét hỏi công khai tại phiên toà sơ thẩm hôm nay các bị cáo A và M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà hôm nay. Có căn cứ để khẳng định VKSND

huyện Tĩnh Gia đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị A và Lê Đình M về tội "Đánh bạc" là đúng.

Tại phiên toà hôm nay đại diện VKSND huyện Tĩnh Gia thực hành quyền công tố tại phiên toà vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Do đó HĐXX có đủ cơ sở kết luận các bị cáo A và M về tội "Đánh bạc", tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Xét tính chất vụ án: Thời gian vừa qua trên địa bàn huyện Tĩnh Gia tệ nạn "Lô, đề" có chiều hướng gia tăng và diễn biến hết sức phức tạp. Có thể nói "Lô, đề" đã gây nhiều tác hại nghiêm trọng cho đời sống xã hội, làm ảnh hưởng đến đạo đức, lối sống và các chuẩn mực xã hội. Đặc biệt nghiêm trọng hơn khi tệ nạn "Lô, đề" là một trong những nguyên nhân dẫn đến các tội phạm khác. Một số người vì động cơ tư lợi đã bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện tội phạm. Hành vi của bị cáo trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính Nhà nước, làm mất trật tự trị an xã hội, làm ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt và kinh tế của các gia đình. Vì vậy cần phải xử lý nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, HĐXX thấy rằng:

* Đối với bị cáo A: Tiền án, tiền sự: Không; Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thật thà, thành khẩn khai báo, tại thời điểm phạm tội bị cáo là phụ nữ có thai. Do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm s, n khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015. Nhưng bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng đó là phạm tội nhiều lần được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015. Do đó cần phải có lối xử lý tương xứng với hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây ra để giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét: Bị cáo là phụ nữ hiểu biết pháp luật còn hạn chế, do hám lời nên bị cáo đã phạm tội, số tiền thu lời bất chính bị cáo đã tự nguyện đến Chi cục Thi hành án nộp để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, cải tạo tốt sớm trở về với cộng đồng làm người công dân tốt có ích cho xã hội

* Đối với bị cáo M: Tiền án, tiền sự: Không; Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thật thà, thành khẩn khai báo. Do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015. Nhưng bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng đó là phạm tội nhiều lần được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015. Nhưng khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét bị cáo là người dân lao động hiểu biết pháp luật còn hạn chế, do ham chơi nên bị cáo đã phạm tội để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, cải tạo tốt sớm trở về với cộng đồng làm người công dân lương thiện.

Trong vụ án này cả 2 bị cáo đều bị truytố về tội "Đánh bạc", nhưng bị cáo A phải chịu mức hình phạt cao hơn so với bị cáo M vì bị cáo là người ghi số lô, đề; Còn bị cáo M chỉ là người đánh mà thôi.

[5] Về xử lý vật chứng:

+ Số tiền 5.093.000.000 đồng là số tiền bán hàng của A không liên quan đến hành vi bán số lô, đề nên ngày 16/5/2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện Tĩnh Gia

đã trả lại cho A và trả lại cho T chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo A37WW, màu hồng, IMEI 1: 865265036191073, IMEI 2: 865265036191065, kèm theo sim số thuê bao 0364.840.363 nên HĐXX không xem xét.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 2.517.000đ là tiền đánh bạc bị bắt quả tang vào ngày 22/01/2019 (gồm có tiền đánh bạc của M 2.310.000đ và tiền đánh bạc của các đối tượng 207.000đ).

+ Tịch thu bán sung quỹ Nhà nước của A 01 (một) điện thoại Nokia 105, màu đen, có số IMEI 1: 355820099227094, IMEI 2: 355828097227099, kèm theo sim số thuê bao 0372.618.357 và M 01 (một) chiếc điện thoại Nokia 1280, màu đen, IMEI: 351672055333737, kèm theo sim số thuê bao 0987.522.232.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 314.500 đồng là tổng số tiền hoa hồng A được nhận từ ba ngày (19, 20, 21/01/2019);

+ Truy thu số tiền trúng lô + đề của M là 14.000.000đ (ngày 19/01 trúng 4.000.000đ; ngày 20/01 trúng 6.000.000đ và ngày 21 trúng 4.000.000đ);

+ Đối với số tiền 8.050.000 đồng là tiền A thu từ các đối tượng đến ghi số lô, đề thì A đã chuyển cho người phụ nữ có tên là "B" ở thành phố Thanh Hóa hiện nay cơ quan CSĐT chưa điều tra xác M được người phụ nữa nên HĐXX không xem xét.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015: *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 50 triệu đồng"*. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy hiện tại các bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định. Do đó, HĐXX quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 321, điểm s, n khoản 1 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 BLHS năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Thị A.

- Khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 BLHS năm 2015 đối với bị cáo Lê Đình M.

* Tuyên bố: Cả 2 bị cáo Nguyễn Thị A và Lê Đình M đều phạm tội "Đánh bạc".

* Xử phạt:

- Nguyễn Thị A 07 (Bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Lê Đình M 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà Nước số tiền 2.517.000đ là tiền đánh bạc bị bắt quả tang vào ngày 22/01/2019 (gồm có tiền đánh bạc của M 2.310.000đ và tiền đánh bạc của các đối tượng 207.000đ).

+ Tịch thu bán sung quỹ Nhà Nước của Nguyễn Thị A 01 (một) điện thoại Nokia 105, màu đen, có số IMEI 1: 355820099227094, IMEI 2: 355828097227099, kèm theo sim số thuê bao 0372.618.357 và Lê Đình M 01 (một) chiếc điện thoại Nokia 1280, màu đen, IMEI: 351672055333737, kèm theo sim số thuê bao 0987.522.232.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà Nước số tiền 314.500 đồng là tổng số tiền hoa hồng A được nhận từ ba ngày (19, 20, 21/01/2019).

+ Truy thu số tiền trúng lô + đề của Lê Đình M là 14.000.000đ (ngày 19/01 trúng 4.000.000đ; ngày 20/01 trúng 6.000.000đ và ngày 21 trúng 4.000.000đ).

(Theo phiếu nhập kho số: NK2019/78 ngày 29/8/2018 và biên lai thu tiền số AA/2010/001597 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tĩnh Gia).

- Án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng các điều 136, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23; mục 1 phần I Danh mục án phí, lệ phí Tòa án - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Buộc các bị cáo Nguyễn Thị A và Lê Đình M mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo tại phiên tòa. Tuyên bố các bị cáo quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện Tĩnh Gia;
- Công an huyện Tĩnh Gia;
- Chi cục THADS huyện Tĩnh Gia;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lê Thị Hạnh